

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ TÂN  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2022/HNGĐ-ST

Ngày 30-6-2022

V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Việt Triều.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Bùi Minh Thiệp.

Ông Đào Việt Khái.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 62/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 188/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Lê Thị N1, sinh năm 1978 (năm sinh trong giấy chứng nhận kết hôn 1977) (có mặt).

Cư trú tại: Khóm X, thị trấn C, huyện P, tỉnh C.

**- Bị đơn:** Ông Phan Văn N2, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Cư trú tại: Khóm X, thị trấn C, huyện P, tỉnh C.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 02 năm 2022 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị N1 trình bày: Bà và ông Phan Văn N2 tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1997, đến năm 2002 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện P, tỉnh C. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn chung sống với nhau khoảng 16 năm. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phan Văn N2. Trong quá trình chung sống bà và ông N2 có hai người con chung tên Phan Thị Thúy Đ, sinh ngày 08

tháng 9 năm 1999 và Phan Thanh S sinh ngày 28 tháng 5 năm 2003, con chung đã thành niên và có đủ khả năng lao động để nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản chung, nợ chung vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Đối với ông Phan Văn N2 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng nhưng ông N2 vắng mặt và không cung cấp lời khai cho Tòa án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Thị N1 yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Phan Văn N2. Do đó, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn” nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Phan Văn N2 là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Phan Văn N2.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị N1 với ông Phan Văn N2 tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1997, đến năm 2002 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện P, tỉnh C nên hôn nhân của bà Lê Thị N1 với ông Phan Văn N2 là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Tại phiên tòa bà N1 giữ quan điểm yêu cầu ly hôn với ông Phan Văn N2. Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và triệu tập hợp lệ ông Phan Văn N2 nhiều lần để tham gia hòa giải và xét xử nhưng ông N2 vắng mặt, không tham gia hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng và không có ý kiến đối với yêu cầu của bà Lê Thị N1. Bà N1 cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm, bà không còn thương yêu ông N2 và vợ chồng không còn chung sống với nhau khoảng 16 năm. Điều này cho thấy vợ chồng không còn thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nên tình trạng hôn nhân giữa bà Lê Thị N1 với ông Phan Văn N2 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị N1 về việc yêu cầu ly hôn với ông Phan Văn N2.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống bà Lê Thị N1 và ông Phan Văn N2 có hai người con chung tên Phan Thị Thúy Đ, sinh ngày 08 tháng 9 năm 1999 và Phan Thanh S, sinh ngày 28 tháng 5 năm 2003, con chung đã trưởng thành và có đầy đủ khả năng để lao động nuôi sống bản thân nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung bà Lê Thị N1 và ông Phan Văn N2 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Lê Thị N1 phải chịu 300.000đ, bà N1 đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ được chuyển thu án phí.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39, Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51; Điều 53 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lê Thị N1 và ông Phan Văn N2.

2. Về án phí: Bà Lê Thị N1 phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0017628 ngày 24 tháng 02 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân; bà N1 đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm, bà Lê Thị N1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Phan Văn N2 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

#### **Nơi nhân:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- UBND thị trấn C, huyện P, tỉnh C
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Việt Triều**